

Bản án số: **08/2024/HS-ST**
Ngày: 12-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoài Đức Huệ.
2. Bà Lê Thị Kim Xuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Đình Linh Chi là thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 357/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 496/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

1/ **Cao Tiến B**, sinh năm 1994, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn 11, xã EL, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp 2, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Tiến C và bà Cao Thị T; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Tại Bản án số 17/2016/HSST ngày 30/5/2016, Cao Tiến B bị Tòa án nhân dân huyện ES, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 09 năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Bị cáo kháng cáo. Tại bản án số 272/2016/HSPT ngày 01/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử bị cáo Cao Tiến B 09 (chín) năm tù về tội “Hiếp dâm trẻ em”. Thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2015. Bị cáo B chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/12/2022.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 26/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Cao Văn Q**, sinh năm 1992, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn Tiên Phong, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân Đ và bà Thái Thị M; bị cáo có vợ là Cao Thị H, sinh năm 1997 và 01 con sinh năm 2018; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 26/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ **Cao Xuân C**, sinh năm 1988, tại tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình; Chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp 2, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Xuân C1 và bà Cao Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N từ ngày 26/10/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

- **Bị hại:** Anh Lâm Nhật H, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở: Phòng 8 nhà trọ ông Trần Thế H, ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Bị hại Lâm Nhật H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu xài nên Cao Tiến B rủ Cao Văn Q và Cao Xuân C cùng nhau trộm cắp xe mô tô để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Vào lúc 21 giờ 30 phút ngày 25/10/2023, Q đang ở phòng trọ thì nhìn thấy xe mô tô biển số 84B1-745.26 của anh Lâm Nhật H dựng trước cửa phòng cùng dãy trọ thuộc ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên đã gọi điện thoại rủ B trộm cắp xe mô tô, B đồng ý và rủ C cùng đi. Sau đó, C điều khiển xe mô tô 60C2-374.49 chở B đi đến đầu đường hẻm vào dãy trọ thì gặp Q điều khiển xe mô tô 77F1-046.10 chạy đến. Lúc này, C đứng bên ngoài đầu hẻm đợi, còn Q điều khiển xe mô tô 60C2-374.49 chở B đi vào phòng trọ. Khi đến nơi, Q đứng bên ngoài cánh giới, B đi bộ vào trong đất xe mô tô biển số 84B1-745.26 đẩy ra ngoài rồi ngồi lên xe để Q dùng xe mô tô 60C2-374.49 đẩy đi đến bãi đất trống thuộc khu công nghiệp N 3, huyện N để bẻ khóa xe, còn C điều khiển xe mô tô 77F1-046.10 chạy theo sau. Do bẻ khóa xe mô tô 84B1-745.26 không được nên B ngồi lên xe để Q và C điều khiển xe mô tô thay nhau đẩy xe đi đến khu vực Khu Công nghiệp ST, thành phố D, tỉnh Bình Dương

và bán xe mô tô trên cho 01 nam thanh niên (không rõ lai lịch) được số tiền 3.500.000 đồng rồi chia nhau tiêu xài. Đến 08 giờ ngày 26/10/2023, Cao Tiến B, Cao Văn Q và Cao Xuân C đến Công an xã LT đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số 204/KL-HĐĐGTS ngày 30/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 xe mô tô hiệu Honda Sonic, màu đỏ-đen, biển số 84B1-745.26, giá trị sử dụng còn lại 55%, trị giá 37.565.000 đồng.

Tang vật thu giữ gồm:

- 01 cái tua vít, 01 cái kìm, 01 cái kéo.
- 01 xe mô tô hiệu Exiter 150, màu xanh biển số 60C2-374.49 và 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, màu xanh biển số 60C2-699.59, do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.
- 01 xe mô tô hiệu Jupiter, màu đỏ, biển số 77F1-046.10, do chưa làm việc với chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh làm rõ xử lý sau.
- Số tiền 3.300.000 đồng.

Trách nhiệm dân sự: Các bị can và bị hại đã thỏa thuận bồi thường với nhau, bị hại có đơn bãi nại và không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra giải quyết.

Trước Cơ quan cảnh sát điều tra, các bị cáo Cao Tiến B, Cao Văn Q, Cao Xuân C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên, phù hợp với tài liệu chứng cứ đã được thu thập tại hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, bị cáo B, Q và C đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với các tình tiết và chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Bản cáo trạng số 15/CT.VKS-NT ngày 28/12/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Cao Tiến B, Cao Văn Q, Cao Xuân C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Cao Tiến B từ 20 đến 24 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Cao Văn Q và Cao Xuân C mỗi bị cáo từ 16 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xét.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Tòa tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cái tua vít, 01 cái kìm, 01 cái kéo là công cụ sử dụng vào việc phạm tội

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.300.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Exiter 150, màu xanh biển số 60C2-374.49 và 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, màu xanh biển số 60C2-699.59 do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

- Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, màu đỏ, biển số 77F1-046.10, do chưa làm việc với chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với nam thanh niên chưa rõ lai lịch mua xe mô tô 84B1-745.26 là tài sản trộm cắp mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo B, Q và C không có ý kiến gì đối với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo tại phiên tòa: Các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị hại Lâm Nhật H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, anh H đã có lời khai tại hồ sơ và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt bị hại.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác thu thập được có tại hồ sơ vụ án, cụ thể: Vào ngày 25/10/2023, tại ấp 3, xã LT, huyện N, tỉnh Đồng Nai, Cao Tiến B, Cao Văn Q, Cao Xuân C đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô biển số 84B1-745.26 có giá trị 37.565.000 đồng của anh Lâm Nhật H. Sau đó, các bị cáo ra đầu thú. Như vậy, hành vi của các bị cáo B, Q, C đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương.

Các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp hậu quả xảy ra. Điều đó chứng tỏ ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, xét thấy cần xét xử nghiêm các bị cáo để đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Về vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết, tổ chức chặt chẽ với nhau. Trong vụ án này, bị cáo B là người rủ rê, còn các bị cáo Q và C là người giúp sức.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo B tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Các bị cáo Q và C không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú và bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo Q và C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017)

[7] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bồi thường thỏa đáng và không yêu cầu gì đối với các bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử tịch xét thấy cần:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cái tua vít, 01 cái kìm, 01 cái kéo là công cụ sử dụng vào việc phạm tội

+ Tại phiên tòa các bị cáo tự nguyện sung quỹ Nhà nước số tiền 3.300.000 đồng là số tiền thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Exiter 150, màu xanh biển số 60C2-374.49 và 01 xe mô tô hiệu Suzuki Raider, màu xanh biển số 60C2-699.59 do không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Jupiter, màu đỏ, biển số 77F1-046.10, do chưa làm việc với chủ sở hữu nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Đối với nam thanh niên chưa rõ lai lịch mua xe mô tô 84B1-745.26 là tài sản trộm cắp mà có, Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 đối với bị cáo Cao Tiến B;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Cao Văn Q và Cao Xuân C;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Cao Tiến B, Cao Văn Q, Cao Xuân C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Cao Tiến B 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/10/2023 .

Xử phạt bị cáo Cao Văn Q 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Cao Xuân C 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả tự do cho bị cáo Cao Văn Q và Cao Xuân C tại phiên tòa nếu các bị cáo không bị tạm giam về tội phạm khác.

Giao các bị cáo Cao Văn Q, Cao Xuân C cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 cái tua vít, 01 cái kìm, 01 cái kéo là công cụ sử dụng vào việc phạm tội

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 3.300.000 đồng (ba triệu, ba trăm nghìn đồng)

(Vật chứng hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2024 và biên lai thu tiền số 0007309 ngày 02/01/2024)

4. Về án phí: Mỗi bị cáo B, Q, C phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA dân sự H. N;
- Các bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Thu Trang